TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 187/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 03/8/2017.
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phùng Thành.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Tô Văn Đào.
2. Ông Phan Thành Tài

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Sen – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Mai – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2017, về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2017/QĐXX-ST ngày 04 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lương Thị K. D, sinh năm: 1990
Trú tại: Đội 4, thôn Đ, xã T, huyện P, Quảng Nam.

- Bị đơn:Anh Đoàn Ngọc H, sinh năm: 1988
Trú tại: tổ 11, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1952
Trú tại: Đội 4, thôn Đ, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam.
Chị D có mặt, anh H vắng mặt lần thứ hai. Bà L có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lương Thị K. D trình bày:

Tôi và anh H tự nguyện tìm hiểu và đến với nhau thành vợ chồng, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H vào năm 2013. Sau khi cưới vợ chồng chị sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ

chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, chồng tôi thường xuyên uống rượu về nhà chửi bới xúc phạm tôi và mẹ ruột của tôi. Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, tôi đã nhiều lần tha thứ cho chồng nhưng chồng tôi H vẫn không thay đổi. Sau đó tôi đưa con về nhà mẹ ruột của tôi ở huyện P sống hơn nữa năm nay. Nay tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Vợ chồng tôi có 01 con chung tên là Đoàn Đăng K, sinh ngày 22/3/2014. Nếu ly hôn tôi yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng tôi mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng).

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

- Nợ chung: Vợ chồng tôi có nợ mẹ ruột tôi là bà Nguyễn Thị L – Sinh năm: 1952; Trú tại: thôn Đ, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam, số tiền 50.000.000^{đ}. Về số nợ này chồng tôi không đồng ý là nợ chung nên tôi nhận trả cho mẹ tôi số tiền nợ này khi nào mẹ tôi yêu cầu và không yêu cầu anh H trả nợ.

- Về cho mượn nợ: Vợ chồng tôi không cho ai mượn nợ

* Bị đơn, anh Đoàn Ngọc H trình bày tại bản tự khai, tại các biên bản hòa giải**:** Anh H thống nhất hoàn cảnh kết hôn và thời gian kết hôn như vợ anh đã trình bày. Anh H thừa nhận trong cuộc sống chung vợ chồng có mâu thuẫn, nhưng lúc đó anh có uống rượu nên anh sai với vợ con và gia đình. Nay vợ anh cương quyết ly hôn anh đồng ý, anh H yêu cầu tòa án giải quyết vợ chồng anh chị được ly hôn.

- Về con chung: Anh H thống nhất vợ chồng anh chị có 01 con chung tên là Đoàn Đăng K, sinh ngày 22/3/2014. Nguyện vọng của anh H nếu ly hôn thì anh được nuôi con và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung

- Nợ chung: Vợ chồng anh không có nợ bà L vì giấy tờ không có. Đó là nợ riêng của vợ, anh H không thừa nhận.

- Về cho mượn nợ: Không có;

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L trình bày: Trước đây vợ chồng con gái bà là D và H có vay của tôi số tiền 50.000.000^{đ} để làm ăn. Khi vay không có viết giấy vay nợ. Nay vợ chồng D, H ly hôn nhưng H không thừa nhận nợ thì bà cũng không yêu cầu trả nợ. Vì do tuổi già và sức khỏe yếu nên bà yêu cầu Tòa án cho bà được vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án ly hôn.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, Hội đồng xét xử, các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, trình tự thu thập chứng cứ là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của các đương sự. Ghi nhận sự thống nhất của các đương sự về tài sản chung, nợ chung và con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho cha hay mẹ nuôi thì thấy: Hiện nay cháu K còn nhỏ cần có sự chăm sóc của người mẹ. Hơn nữa, chị D đang là người trực tiếp nuôi dưỡng và đảm bảo tốt cho sự phát triển bình thường của cháu. Đề nghị Hội đồng xét

xử chấp nhận yêu cầu của chị D, giao cháu Đoàn Đăng K, sinh ngày 22/3/2014 cho chị D trực nuôi dưỡng. Buộc anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị D theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ lời trình bày của đương sự căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam;

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án có bị đơn anh Đoàn Ngọc H cư trú tại huyện T, tỉnh Quảng Nam. Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xét thấy bị đơn anh Đoàn Ngọc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại các Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Lương Thị K. D và anh Đoàn Ngọc H là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 150, ngày 07/11/2013 do Uỷ ban nhân dân thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam cấp. Sau khi kết hôn, chị D và anh H đều xác định vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh H thường xuyên uống rượu về nhà chửi bới xúc phạm chị D và xúc phạm mẹ ruột của chị D. Đến đầu năm 2017, vợ chồng anh chị sống ly thân nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tiến hành hòa giải cho các bên đoàn tụ chung sống, làm ăn nuôi con. Nhưng chị D vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn và anh H thống nhất, yêu cầu tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn. Hội đồng xét xử thấy các bên đương sự không thật sự mong muốn sống bên nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu có kéo dài thì cuộc sống hôn nhân cũng không có, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Lương Thị K. D và anh Đoàn Ngọc H.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị D anh H thống nhất có 01 con chung tên là: Đoàn Đăng K, sinh ngày 22/3/2014. Vợ chồng chị D và anh H đều mong muốn được trực tiếp nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy cha mẹ có quyền và nghĩa vụ nuôi con, chị D và anh H đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi con. Con chung chỉ có một cháu, nếu thỏa mãn cho việc cả hai vợ chồng cùng được nuôi con khi nào vợ chồng anh chị sống chung với nhau mới có thể cùng nuôi con. Nhưng nay anh chị ly hôn với nhau thì chỉ có một người được trực tiếp nuôi con. Cháu K hiện nay còn nhỏ, cháu sống với chị D từ khi mới sinh. Trong thời gian anh chị ly thân, chị

đưa con về nhà mẹ ruột của mình sống từ đầu năm 2017 đến nay. Tuy không có khoản chi phí phụ cấp của chồng nhưng chị D đã nuôi nấng con tử tế, cháu K sống tốt và phát triển bình thường như những đứa trẻ khác. Ngoài ra, để bảo đảm quyền được nuôi con của người phụ nữ và hơn nữa anh H cố tình vắng mặt tại phiên tòa cũng thể hiện anh H không thực sự mong muốn được nuôi con. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo điều kiện và môi trường sống cho cháu K, chấp nhận yêu cầu của chị D giao cháu Đoàn Đăng K, sinh ngày 22/3/2014 cho chị D nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Toà án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000^{đ}. Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị D là đúng pháp luật, cha mẹ không trực tiếp nuôi con cần phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên được chấp nhận. Tuy nhiên, mức cấp dưỡng mỗi tháng chị D đưa ra là cao so với thu nhập thực tế của anh H. Hội đồng xét xử chấp nhận ở mức 650.000^{đ}/một tháng (Sáu trăm năm mươi ngàn đồng trên mỗi tháng) tương ứng với 1/2 mức lương tối thiểu theo quy định là phù hợp. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8 năm 2017 cho đến khi cháu K thành niên (đủ 18 tuổi).

[5] Về tài sản chung: Chị D và anh H thống nhất không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị D khai có nợ mẹ ruột chị là bà Nguyễn Thị L, số tiền 50.000.000^{đ}. Anh H không thừa nhận việc nợ vì không có chứng cứ. Bà L không yêu cầu vợ chồng anh H chị D trả nợ. Chị D và bà L tự thỏa thuận với nhau, chị D nhận trả cho mẹ chị số tiền nợ này và không yêu cầu anh H trả nợ. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[7] Về cho mượn nợ: Chị D và anh H thống nhất vợ chồng không có cho ai mượn nợ, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000^{đ} chị Lương Thị K. D phải chịu. Được tính trừ vào số tiền: 300.000^{đ} (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà chị D đã nộp theo biên lại thu số 0020232 ngày 20/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam. Anh Đoàn Ngọc H phải chịu số tiền 300.000^{đ} (Ba trăm ngàn đồng) án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định theo quy định tại điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn , giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

[9] Các bên đương sự có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[10] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 146; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 2; Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Lương Thị K. D và anh Đoàn Ngọc H. Chị Lương Thị K. D được ly hôn anh Đoàn Ngọc H.

2. Về nuôi con chung:

2.1.Giao cháu Đoàn Đăng K, sinh ngày 22/3/2014 cho chị Lương Thị K. D trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Toà án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung

2.2. Buộc anh Đoàn Ngọc H phải cấp dưỡng nuôi cháu Đoàn Đăng K, sinh ngày 22/3/2014 cùng chị D số tiền mỗi tháng là 650.000^{đ}/tháng (Sáu trăm năm mươi ngàn đồng một tháng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8 năm 2017 cho đến khi cháu K thành niên (đủ 18 tuổi).

Kể từ ngày chị D có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nêu trên, nếu anh H không chịu thi hành thì hàng tháng anh H còn phải chịu trả lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về tài sản chung: Chị D và anh H thống nhất không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung và cho mượn nợ: Chị D và anh H thống nhất không có nợ ai và không cho ai mượn nợ, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000^{đ} chị Lương Thị K. D phải chịu. Được tính trừ vào số tiền: 300.000^{đ} (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà chị D đã nộp theo biên lại thu số 0020232 ngày 20/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam. Anh Đoàn Ngọc H phải chịu số tiền 300.000^{đ} (Ba trăm ngàn đồng) án phí về cấp dưỡng nuôi con.

6. Chị D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh H, bà L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND – VKSND tỉnh Quảng Nam;*
- *VKSND huyện T;*
- *Chi cục THA.DS huyện T;*
- *UBND thị trấn H;*
- *Các bên đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, lưu án văn;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký tên và đóng dấu)

Đặng Phùng Thành